

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1040/2020/DS-PT

Ngày: 17-11-2020

V/v tranh chấp về đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Ông Phạm Hồng Giảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yên Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Đức Toàn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 451/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020, về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2020/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5323/2020/QĐ-PT ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị My M, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Số 67 đường H, khối phố 9, R, thành phố Y, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ liên lạc: Số 9A đường D, Phường 17, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T; sinh năm 1950; địa chỉ: Số 46C đường Tr, Phường 15, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh E; địa chỉ: Số 121/29 đường Ph, Phường 8, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 003581, quyền số 5 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29.5.2019, có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Ông Quách Thế B; địa chỉ thường trú: Số 211 đường C, khóm 6, phường A, thành phố W, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Số 14/3 đường I, Phường 11, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt).

3.2/ Ông Nguyễn Thành Q; địa chỉ: Số 46C đường Tr, Phường 15, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo*: Bà Phan Thị My M – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28.02.2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20.8.2019, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Phan Thị My M trình bày:

Bà M có tham gia chơi hụi với bà Phạm Thị T từ ngày 01.02.2017 đến 29.12.2017, tổng cộng bà M đã đưa cho bà T là 398.400.000 đồng. Ngày 02.01.2018, bà T đã trả cho bà M được 100.000.000 đồng. Bà M nhiều lần yêu cầu bà T tiếp tục thực hiện việc thanh toán số tiền còn lại là 298.400.000 đồng nhưng bà T cố tình không thực hiện.

Bà Phan Thị My M xác định việc giao nhận tiền hụi và chốt nợ không liên quan đến chồng bà T là ông Nguyễn Thành Q. Bà M giữ nguyên yêu cầu, buộc bà Phạm Thị T phải giải quyết những vấn đề sau:

1/ Bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 298.400.000 đồng theo giấy viết tay xác nhận nợ ngày 02.01.2018.

2/ Tiền lãi trên số tiền gốc 298.400.000 đồng với mức lãi suất là 12%/năm. Lãi được tính từ ngày 02.02.2018 đến ngày 02 tháng 7 năm 2020 là 29 tháng, số tiền lãi được tính là 86.536.000 đồng.

Ngoài yêu cầu trên, bà M không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn - bà Phạm Thị T trình bày:

Năm 2017, bà làm chủ hụi và bà M có tham gia chơi hụi. Trong quá trình chơi hụi, có một số thành viên sau khi hốt hụi đã bỏ trốn nên bà không còn khả năng chi trả cho những người còn lại trong đó có bà M. Ngày 02.01.2018, bà T và bà M đã ra Công an Phường 15, quận X giải quyết việc thanh toán tiền hụi, trước khi vào làm việc với Công an phường bà M hăm dọa và đưa cho bà T tờ giấy đã được viết sẵn yêu cầu bà T ký xác nhận, vì sợ và để an toàn cho bản thân bà T đã ký vào giấy nhận nợ này trước khi vào làm việc với Công an Phường 15, quận X. Sau đó, bà T và bà M cùng vào làm việc với Công an phường; tại đây, sau khi đối chiếu, tính toán giữa bà và bà M đã thống nhất xác nhận số nợ và thời gian trả nợ và cùng ký vào Bản thỏa thuận thanh toán tiền hụi (họ) ngày 02.01.2018. Theo nội dung thỏa thuận, số tiền bà T nợ bà M là 253.900.000 đồng; trả thành nhiều đợt, đợt 1 ngày 02.01.2018 số tiền 153.900.000 đồng, những đợt còn lại từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng sẽ thanh toán tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng. Trong ngày 02.01.2018, bà T đã thanh toán cho bà M 100.000.000 đồng có lập biên bản với chữ ký của vợ chồng bà M - ông B.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Thanh E đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà Phạm Thị T trình bày: Ông E thừa nhận giữa bà T và bà M có chơi hụi với nhau như trình bày của bà M. Tuy nhiên, tổng số tiền bà T

nợ bà M là 253.900.000 đồng; ngày 02.01.2018, bà T đã trả cho bà M 100.000.000 đồng, nay bà T còn nợ bà M số tiền 153.900.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận thanh toán tiền hội lập ngày 02.01.2018 giữa bà T, bà M và ông Quách Thế B. Do bà T đã già yếu, không còn khả năng trả nợ một lần nên đề nghị được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng. Do số tiền nợ phát sinh từ quá trình chơi hội, không có thỏa thuận về lãi nên bị đơn không chấp nhận trả số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông E xác định văn bản thỏa thuận thanh toán tiền hội được ký và chốt lại sau cùng với chữ ký của bà T và vợ chồng bà M - ông B thể hiện sự tự nguyện của các đương sự nên yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận tính hợp pháp của văn bản này. Lý do phía bị đơn không tiếp tục thanh toán 5.000.000 đồng/tháng theo thỏa thuận vì vợ chồng bà M không đồng ý số tiền đã thỏa thuận là 253.900.000 đồng sau khi trừ đi 100.000.000 đồng còn lại 153.900.000 đồng nên cho dù phía bị đơn có thiện chí trả nhưng vợ chồng bà M không chấp nhận và cũng không đòi nên bà T không thể thực hiện được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Quách Thế B trình bày: Ông thống nhất với lời khai và yêu cầu của bà Phan Thị My M đối với bà Phạm Thị T về khoản nợ gốc và lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Q trình bày:

Việc tổ chức chơi hội của vợ ông là bà Phạm Thị T ông không biết nên nguồn thu và lợi nhuận từ việc tổ chức chơi hội này của vợ ông không liên quan đến chi phí sinh hoạt trong gia đình. Do đó, việc thiếu nợ của bà T với bà M bà T sẽ tự chịu trách nhiệm và không liên quan đến ông. Ngày 22.7.2019, ông Q có yêu cầu được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử của tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2020/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận X đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi Q sản của bà Phan Thị My M đối với bà Phạm Thị T.

- Buộc bà Phạm Thị T trả cho bà Phan Thị My M số tiền nợ gốc là 153.900.000 đồng (một trăm năm mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng) theo văn bản thỏa thuận thanh toán tiền hội (họ) được ký ngày 02.01.2018 và 37.192.500 đồng (ba mươi bảy triệu một trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng) nợ lãi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị My M yêu cầu bà Phạm Thị T tính lãi từ ngày 02.02.2018 đến ngày 02.7.2020 là 29 tháng tròn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 23/7/2020, Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Phan Thị My M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – bà Phan Thị My M trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án, ghi nhận ý kiến của bà để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho bà. Đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan công an để khởi tố về hình sự vì bà Phạm Thị T có dấu hiệu lừa đảo. Trường hợp không chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà T phải trả cho bà số nợ gốc là 298.400.000 đồng theo giấy viết tay xác nhận nợ của bà T ngày 02.01.2018 và tiền lãi với mức lãi suất là 12%/năm, lãi được tính từ ngày 02.02.2018 đến ngày 02.7.2020 là 29 tháng, số tiền lãi là 86.536.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 384.936.000 đồng.

Đại diện bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ, Q liệu có trong hồ sơ, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; do đó, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân quận X tuyên án, ngày 23/7/2020, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và đã đóng tạm ứng án theo quy định; do đó, đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ và được xem xét theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Quách Thế B và ông Nguyễn Thành Q đều có yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu chuyển hồ sơ sang cơ quan công an khởi tố vụ án hình sự vì có dấu hiệu lừa đảo, xét theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và sự thừa nhận của các đương sự thì tranh chấp phát sinh từ việc chơi hụi, sau đó các đương sự đã thỏa thuận xác nhận nợ và thực hiện trả nợ; do đó,

đây là vụ án dân sự, không có cơ sở chuyển cơ quan công an khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn như đã trình bày nêu trên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có hai giấy nợ là Giấy xác nhận ngày 02.01.2018 có chữ ký của bà Phạm Thị T và Văn bản thỏa thuận thanh toán tiền hụi (họ) có chữ ký của 3 người bà Phạm Thị T, bà Phan Thị My M và ông Quách Thế B được lập và ký cùng ngày. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các đương sự thừa nhận Giấy xác nhận nợ có chữ ký của bà T với số tiền 398.400.000 đồng được lập trước và văn bản thỏa thuận thanh toán tiền hụi (họ) được lập và ký sau cùng với số tiền nợ là 253.900.000 đồng là cùng một khoản nợ nhưng số tiền xác nhận nợ khác nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà M và ông B thừa nhận có ký tên vào văn bản thỏa thuận thanh toán tiền hụi (họ) ngày 02.01.2018 và đã nhận 100.000.000 đồng nhưng cho rằng mình ký tên vào văn bản nói trên do phía bà T ép buộc; xét thấy, thời điểm lập văn bản bà M và ông B có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà M và ông B không chứng minh được việc bà T ép buộc ông bà ký tên và ông bà cũng đã tự nguyện nhận số tiền bà T giao là 100.000.00 đồng; do đó, có cơ sở khẳng định Văn bản thỏa thuận thanh toán tiền hụi (họ) ngày 02.01.2018 có chữ ký của bà Phạm Thị T, bà Phan Thị My M và ông Quách Thế B là chứng cứ hợp lệ, là cơ sở giải quyết tranh chấp. Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi Q sản của bà Phan Thị My M trên cơ sở chứng cứ là văn bản thỏa thuận thanh toán tiền hụi (họ) ngày 02.01.2018 có chữ ký của bà T, bà M và ông B với số tiền bà T nợ vợ chồng bà M là 253.900.000 đồng, đã thanh toán 100.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu đòi tiền của bà M theo giấy xác nhận ngày 02.01.2018 có chữ ký của bà Phạm Thị T với số tiền 298.400.000đ là phù hợp với các chứng cứ và phù hợp quy định pháp luật; do đó, cần giữ nguyên quyết định này của án sơ thẩm.

Về việc tính lãi, do bị đơn không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại văn bản thỏa thuận thanh toán tiền hụi (họ) ngày 02.01.2018 nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi tròn 29 tháng (từ ngày 02.02.2018 đến ngày 02.7.2020), yêu cầu này là tự nguyện nên ghi nhận, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tính lãi cho nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Sau khi ban hành bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận X đã ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 29/2020/QĐ-SCBSQĐ ngày 20/8/2020 nội dung sửa chữa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc tính án phí; do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại số tiền nguyên đơn phải nộp thêm từ 751.775 đồng thành 814.775 đồng cho chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp thêm được chứng cứ mới. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 miễn án phí cho bị đơn là phù hợp quy định pháp luật; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên một phần yêu cầu không được chấp nhận. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 166; Điều 280; Điều 429 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – bà Phan Thị My M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân quận X:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của bà Phan Thị My M đối với bà Phạm Thị T.

- Buộc bà Phạm Thị T trả cho bà Phan Thị My M số tiền nợ gốc là 153.900.000 đồng (một trăm năm mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng) theo văn bản thỏa thuận thanh toán tiền hụi (họ) được ký ngày 02.01.2018 và 37.192.500 đồng (ba mươi bảy triệu một trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng) nợ lãi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị My M yêu cầu bà Phạm Thị T tính lãi từ ngày 02.02.2018 đến ngày 02.7.2020 là 29 tháng tròn.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phan Thị My M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền chênh lệch không được chấp nhận là 7.225.000 đồng (bảy triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) và số nợ lãi không được chấp nhận là 2.467.175 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng). Bà M được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.877.400 đồng - (7.460.000 đồng + 1.417.400 đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0041661 ngày 18.3.2019 và số AA/2019/0042142 ngày 05.9.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X. Bà M phải nộp thêm 814.775 đồng (tám trăm mười bốn ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị My M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0019139 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phan Thị My M cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Phạm Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận X;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận X;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương